

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **71/2022/HS-ST**

Ngày: 28/9/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

Ông Trần Đ Nhì.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Trương L** (tên thường gọi là Liếm); Sinh ngày: 09/7/1977; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 974/11A đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Hiếu K (chết) và bà: La Thị L1; Có vợ: Là bà Lưu Thị Thùy H (đã ly hôn) và có 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 26/5/2022.

Nhân thân:

- Ngày 30/9/2005, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 08 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 102/2005/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/8/2010 và đã thi hành xong phần án phí, phần hình phạt bổ sung ngày 04/4/2006 (Giấy chứng nhận đặc xá số: 334/GCNĐX của Trại giam Thủ Đ và Công văn trả lời xác minh số: 1733/CCTHADS ngày 22/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 30/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 336/2014/HSST). Đã thi hành xong án phí ngày 21/01/2015 (Công văn trả lời xác

minh số: 1559/CCTHADS ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 24/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 02 ngày tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù của Bản án số: 336/2014/HSST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, buộc bị cáo chấp hành phạt chung của hai bản án là 04 năm 06 tháng 02 ngày tù (Bản án số: 153/2017/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/9/2018 và đã thi hành xong án phí ngày 18/12/2018 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 705/GCN của Trại giam Xuyên Mộc và Công văn trả lời xác minh số: 1201/CCTHADS ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. **Trần Phi L2**; Sinh ngày: 26/12/1988; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 12/1 đường CG, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 1/12 (bị cáo khai biết đọc, biết viết); Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn B (chết) và bà: Lê Thị B1; Có vợ: Là bà Ngô Thị Ngọc H1 (không đăng ký kết hôn) và con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 26/5/2022.

Tiền án: Ngày 23/7/2019, bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy» (Bản án số: 71/2019/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/12/2020 và đã thi hành xong án phí ngày 04/11/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 875/GCN của Trại giam Huy Khiêm và Công văn trả lời xác minh số: 1117/CCTHADS ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân:

- Ngày 14/4/2016, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 82/2016/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/10/2016 và đã thi hành xong án phí ngày 13/3/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1625/GCN của Trại giam Thủ Đức và Công văn trả lời xác minh số: 1203/CCTHADS ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 30/3/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy (Quyết định số: 43/QĐ-CSCNBB-TA). Chấp hành xong ngày 17/8/2018 (Giấy chứng nhận số: 489/GCN-CS1 ngày 28/7/2018 của Cơ sở cai nghiện ma túy Số 1).

- Ngày 04/02/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Cơ sở Xã hội Nhi Xuân để quản lý, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt

buộc (Quyết định số: 58/QĐ-UBND). Đến ngày 08/4/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh quyết định hủy Quyết định số: 58/QĐ-UBND do Trần Phi L2 có đăng ký tạm trú và thực tế cư trú tại ấp An Khánh, xã Tân An Thạnh, huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long (Quyết định số: 103/QĐ-UBND).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

3. **Dương Ngọc Đ** (tên thường gọi là Cũn); Sinh ngày: 09/02/1989; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 115-117 đường XC, Phường K, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A32/5DL2 tổ 3, ấp A, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn Tr và bà: Lý Thị H2; Có vợ: Không và con: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 26/5/2022.

Tiền án: Ngày 08/9/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy» (Bản án số: 193/2014/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/01/2019 (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 44/GCN của Trại giam Thủ Đức).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:*

Ông Trần Quốc Tr1; Sinh năm: 1988; Thường trú: Ấp HQ, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: 974/4/2K đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Văn Ch; Sinh năm: 1991; Trú tại: 175/8 đường LTB, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Hộ kinh doanh cầm đồ NP; Địa chỉ: 348 đường TTV, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện Hộ kinh doanh:* Ông Lý Quốc Đ1; Sinh năm: 1993; Thường trú: 461B/13 đường BĐ, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 475 đường BĐ, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Ông Kiều Mạnh D; Sinh năm: 1997; Thường trú: 115 đường HBT, thành phố NĐ, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: 348 đường TTV, Phường M, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Đức L3; Sinh năm: 1977; Trú tại: 974/4/2K đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Bà Hà Ngọc T; Sinh năm: 1965; Trú tại: 974/3 đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị H3; Sinh năm: 1957; Thường trú: 70/D tổ 2, khu 4, phường UH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

(vắng mặt)

7. Ông Nguyễn Đ T1 (Trẻ); Sinh năm: 1988; Trú tại: 974/3 đường LG, Phường H, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 21/12/2021, Trương L đến quán cà phê L4 (đối diện nhà số A34/20DV7 ấp A, xã BH, huyện BC) uống cà phê thì gặp Trần Phi L2. Tại đây, L kể cho L2 nghe việc nhà trọ của ông Nguyễn Đức L3, địa chỉ 974/4/2K đường LG Phường H, Quận F (đối diện nhà L) có để nhiều xe gắn máy, nhưng không có người trông coi, đồng thời rủ L2 đột nhập vào nhà trọ này lấy trộm xe, L2 đồng ý và nói để kiếm thêm người cùng thực hiện. Sau đó L2 điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Mio biển số 61L6-2899, L điều khiển xe gắn máy hiệu Honda Wave (không rõ biển số) cùng đến phòng trọ A32/5DL2 tổ 3, ấp A, xã BH, huyện BC để rủ Dương Ngọc Đ cùng tham gia. Đến nơi, L2 kêu L đứng chờ ở đầu hẻm, còn L2 vào phòng trọ tìm Đ. Khi vào khu nhà trọ, L2 thấy bên ngoài có treo 01 chiếc áo đồng phục của “Điện máy chợ Lớn” nên lấy mặc vào (với ý định giả thợ sửa chữa máy lạnh để vào nhà ông L3 lấy trộm tài sản) rồi rủ Đ qua Quận F chơi, Đ nhận lời. Sau đó, L chạy trước dẫn đường, L2 chở Đ chạy theo sau cùng đến nhà ông L3. Trên đường đi, L2 nói với Đ là L rủ cả hai đi trộm xe máy gần nhà L bán lấy tiền tiêu xài, Đ đồng ý. Sau khi chỉ nhà ông L3 cho L2 và Đ biết, L về nhà của L tại số 974/11A đường LG Phường H, Quận F (đối diện nhà ông L3) để tránh bị nghi ngờ. Còn L2, Đ đi đến trước cửa nhà ông L3 thì bị bà Hà Ngọc T (bán nước giải khát bên cạnh nhà ông L3) hỏi tìm ai. L2 liền nói với bà T là ông L3 gọi đến sửa máy lạnh, nên bà T đã cho L2, Đ vào. Khi vào bên trong, L2 thấy có để nhiều xe gắn máy tại tầng trệt, trong đó có 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu vàng đen, biển số 50N1-327.38 của ông Trần Quốc Tr1 còn cắm chìa khóa trên xe nên đến lấy chiếc xe này. Sau đó, Đ điều khiển xe gắn máy hiệu Mio của L2 ra trước, L2 điều khiển xe gắn máy vừa lấy trộm được chạy ra sau. Xong cả hai cùng về nhà của L2 tại địa chỉ 12/1 đường CG, Phường M, Quận H. Tại đây, L2 gọi điện thoại cho một người bạn tên Hùng (không rõ lai lịch) thỏa thuận bán chiếc xe biển số 50N1-327.38 với giá 5.000.000 đồng. Sau khi có tiền, L2 chia cho Đ 2.000.000 đồng, chia cho L 1.000.000 đồng, còn lại L2 cất giữ tiêu xài.

Về phía ông Trần Quốc Tr1, sau khi phát hiện thấy mất chiếc xe đã báo cho ông Nguyễn Đức L3 (chủ nhà trọ). Qua kiểm tra Camera, các ông L3, Tr1 phát hiện có 02 đối tượng điều khiển xe gắn máy hiệu Mio, biển số 61L6-2899 vào nhà trọ lấy trộm chiếc xe gắn máy biển số 50N1-327.38, nhưng hai ông không báo Công an. Đến 14 giờ ngày 20/5/2022, ông Tr1 phát hiện Trương L đang sử dụng chiếc xe gắn máy hiệu Mio biển số 61L6-2899 mà các đối tượng đã sử dụng vào nhà trọ lấy trộm xe của ông ngày 21/12/2021 nên đến Công an Phường 8, Quận 6 trình báo sự việc.

Qua truy xét, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã bắt giữ Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ. Qua đấu tranh, cả ba khai nhận đã thực hiện hành vi nêu trên.

Theo Biên bản xét nghiệm chất ma túy ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Trạm y tế Phường 8, Quận 6, Trương L dương tính với Methamphetamine và MDMA.

Theo hai Biên bản xét nghiệm chất ma túy cùng ngày 21 tháng 5 năm 2022 của Trạm y tế Phường 8, Quận 6, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ dương tính với ma túy (chất dạng Amphetamine).

Tại Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐDGTS ngày 23 tháng 5 năm 2022, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc xe mô tô biển số 50N1-327.38, hiệu Yamaha Exciter 135, màu vàng đen (tình trạng sử dụng còn khoảng 70%) tại thời điểm ngày 21/12/2021, có giá là: 28.000.000 đồng.

Ngày 23 tháng 5 năm 2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự (Quyết định số: 54/QĐ-ĐCSHS); khởi tố bị can đối với Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» (Quyết định số: 79/QĐ-ĐCSHS, số: 80/QĐ-ĐCSHS, số: 81/QĐ-ĐCSHS).

Đối với người tên Hùng (mua chiếc xe gắn máy biển số 50N1-327.38 từ Trần Phi L2), Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch.

Tại Cáo trạng số: 69/CT-VKS-Q6 ngày 09 tháng 9 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đều khai nhận chính các bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm 01 chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu vàng đen (các bị cáo không nhớ biển số) của ông Trần Quốc Tr1 tại nhà trọ số 974/4/2K đường LG Phường H, Quận F vào khoảng 15 giờ ngày 21/12/2021 như nội dung bản cáo trạng nêu và các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo cùng các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Trương L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Trần Phi L2 từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Phạt bị cáo Dương Ngọc Đ từ 01 năm đến 02 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ, do các bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ liên đới bồi thường cho ông Trần Quốc Tr1 trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter 135, màu vàng đen, biển số 50N1-327.38 là 28.000.000 đồng.

Còn ông Lý Quốc Đ1 (đại diện Hộ kinh doanh cầm đồ NP) không yêu cầu bị cáo Trần Phi L2 hoàn trả lại 630.000 đồng mà phía hộ kinh doanh bỏ ra để cầm Giấy chứng nhận đăng ký xe (mang tên Nguyễn Thị H3) từ bị cáo, nên không đề nghị xem xét.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc xe gắn máy hiệu Mio màu tím, biển số 61L6-2899 (không xác định được số khung, số máy nguyên thủy).

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun tay ngắn màu đen (có hình hoa văn màu trắng đỏ); 01 áo thun tay ngắn màu xám (bên trong cổ áo có dòng chữ «PT2000»); 01 quần Jean ống ngắn màu xanh dương và màu trắng pha lẫn nhau (ở lưng quần có dòng chữ «KDS»).

Đối với 01 USB hiệu Kingston màu xanh (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ lấy trộm xe gắn máy tại nhà trọ số 974/4/2K đường LG, Phường H, Quận F vào ngày 21/12/2021) và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ) đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Thông và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL323, 324), là chứng cứ lưu hồ sơ, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đều nhận thức được hành vi của các bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật, nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ nhất để các bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ tại phiên tòa là phù hợp với nhau và phù hợp với Biên bản ghi nhận hình ảnh qua Camera, Thực nghiệm điều tra ngày 10/8/2022 của Công an Quận 6 (kèm bản ảnh); Biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTS ngày 23/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Trần Quốc Tr1 và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ, lời khai khác có trong hồ sơ, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đã phạm tội «Trộm cắp tài sản», tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015).

Với ý định phạm tội có từ trước, các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đã lén lút chiếm đoạt của ông Trần Quốc Tr1 01 chiếc xe gắn máy biển số 50N1-327.38 (hiệu Yamaha Exciter 135, màu vàng đen) trị giá 28.000.000 đồng tại khu nhà trọ số 974/4/2K đường LG Phường H, Quận F vào ngày 21/12/2021 (các bị cáo khai khoảng 15 giờ). Hành vi của các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an xã hội. Hành vi này đủ yếu tố cấu thành tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp «tài sản bị chiếm đoạt trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng» theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đều là những người đã trưởng thành, các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút đột nhập vào nhà người khác chiếm đoạt tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Đây là vụ án có đồng phạm và theo lời khai của các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ thì bị cáo L là người phát hiện nơi có tài sản rồi nói lại cho bị cáo L2 biết, đồng thời rủ rê, xúi giục bị cáo L2 chiếm đoạt. Bị cáo L2 ngoài việc trực tiếp chiếm đoạt tài sản, bị cáo còn là người chủ động liên lạc, thỏa

thuận việc bán tài sản chiếm đoạt được lấy tiền chia nhau tiêu xài và bị cáo cũng chính là người rủ rê bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Đ giữ vai trò giúp sức tích cực cho bị cáo L2 trong việc chiếm đoạt tài sản. Tuy giữa các bị cáo có thống nhất cùng nhau thực hiện tội phạm, nhưng không có sự phân công bàn bạc, sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, nên hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân:

[4.1] Ngày 23/7/2019, bị cáo Trần Phi L2 bị Tòa án nhân dân Quận 5 xử phạt 02 năm tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy»; ngày 08/9/2014, bị cáo Dương Ngọc Đ, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy». Mặc dù các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của các bản án này, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[4.2] Ngoài ra, các bị cáo Trương L, Trần Phi L2 đều có nhân thân xấu (ngày 30/9/2005, bị cáo Trương L bị Tòa án nhân dân Quận 9 xử phạt 08 năm tù về tội «Mua bán trái phép chất ma túy»; ngày 30/9/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 24/5/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 03 năm 02 ngày tù về tội «Tàng trữ trái phép chất ma túy». Ngày 14/4/2016, bị cáo Trần Phi L2 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 10 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 30/3/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 10 quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc 18 tháng về hành vi sử dụng chất ma túy; ngày 04/02/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phong Phú, huyện Bình Chánh quyết định đưa vào Cơ sở Xã hội Nhì Xuân để quản lý, cắt cơn, giải độc, phục hồi sức khỏe và tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc).

Cho thấy, tuy đã bị kết án, bị xử phạt vi phạm hành chính, nhưng các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng, không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Chứng tỏ các bị cáo là những người hết sức xem thường pháp luật.

[5] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ là hoàn toàn ngoài ý muốn của các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt các bị cáo những mức án nghiêm khắc tương xứng, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và để phòng ngừa chung, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay, nhất là các tội phạm về xâm phạm sở hữu. Tuy nhiên, xét các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo khi lượng hình tùy theo tính

chất, mức độ, vai trò tham gia của từng bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Những nhận định trên cũng là căn cứ để chấp nhận quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, thì các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, ông Trần Quốc Tr1 vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra, ông Tr1 yêu cầu các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ bồi thường cho ông trị giá chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter 135, màu vàng đen, biển số 50N1-327.38 là 28.000.000 đồng (theo kết quả định giá ngày 23/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6). Xét yêu cầu của ông Tr1 là có cơ sở và các bị cáo cũng đồng ý bồi thường, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho ông Tr1 số tiền mà ông Tr1 yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày ông Trần Quốc Tr1 có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ còn phải trả ông Trần Quốc Tr1 khoản lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Còn ông Lý Quốc Đ1 (đại diện Hộ kinh doanh cầm đồ NP) không yêu cầu bị cáo Trần Phi L2 hoàn trả lại số tiền mà phía hộ kinh doanh đã bỏ ra để cầm Giấy chứng nhận đăng ký xe từ bị cáo, nên Hội đồng xét xử không xét. Mặt khác, số tiền này cũng không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử không buộc bị cáo Trần Phi L2 nộp lại.

[9] Việc xử lý vật chứng: 01 áo thun tay ngắn màu đen (có hình hoa văn màu trắng đỏ); 01 áo thun tay ngắn màu xám (bên trong cổ áo có dòng chữ «PT2000»); 01 quần Jean ống ngắn màu xanh dương và màu trắng pha lẫn nhau (ở lưng quần có dòng chữ «KDS»), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe gắn máy hiệu Mio màu tím, biển số 61L6-2899 thu giữ của bị cáo Trương L (bị cáo khai mua chiếc xe này từ bị cáo Trần Phi L2 cách ngày bị bắt khoảng 04 ngày để làm phương tiện đi lại). Theo Kết luận giám định số: 10066/KL-KTHS ngày 30/6/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành

phố Hồ Chí Minh (BL193) thì chiếc xe biển số 61L6-2899 không xác định được số khung, số máy nguyên thủy. Quá trình điều tra, bị cáo Trần Phi L2 khai chiếc xe mà bị cáo bán cho Trương L là xe của ba trước khi chết cho bị cáo sử dụng và bị cáo cũng không biết rõ nguồn gốc của chiếc xe này. Còn theo Phiếu trả lời xác minh ngày 20/5/2022 của Công an Quận 6 (BL199) thì chiếc xe biển số 61L6-2899 có số khung: Y019514, số máy: 4P83019514 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Yamaha, số loại Mio, sơn màu Đen, dung tích 114), do bà Nguyễn Thị H3, trú tại 70/D tổ 2, khu D, phường UH, thị xã TU, tỉnh Bình Dương đứng tên chủ xe. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an phường UH được biết bà H3 không còn cư ngụ tại địa chỉ trên, đi đâu không rõ, nên Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được (BL154). Ngày 01/6/2022, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã đề nghị thông báo tìm chủ sở hữu của chiếc xe trên Báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh (BL44A), nhưng đến nay vẫn không có ai đến nhận. Như vậy, đã có đủ cơ sở xác định chiếc xe gắn máy biển số 61L6-2899 hiện chưa rõ chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp và là xe cấm lưu hành (số khung, số máy bị mài, đục số), nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 73/PNK ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 56/QĐ-VKS-Q6 ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6; Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa Công an Quận 6 và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6 - BL191, 329, 340)

Đối với 01 USB hiệu Kingston màu xanh (chứa file dữ liệu ghi lại hình ảnh Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ lấy trộm xe gắn máy tại nhà trọ số 974/4/2K đường LG, Phường H, Quận F vào ngày 21/12/2021) và 01 đĩa DVD (chứa file dữ liệu ghi âm, ghi hình quá trình ghi lời khai Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ) đều đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký ghi tên Nguyễn Văn Thông và hình dấu tròn của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (BL323, 324), là chứng cứ lưu hồ sơ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe gắn máy (hiệu Honda Wave màu xanh, không rõ biển số) mà bị cáo Trương L sử dụng làm phương tiện phạm tội, bị cáo khai đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch), nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Đối với người thanh niên tên Hùng mà bị cáo Trần Phi L2 khai mua chiếc xe gắn máy biển số 50N1-327.38 từ bị cáo, do bị cáo khai không rõ nhân thân lai lịch, nên không có cơ sở điều tra làm rõ, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[11] Về hành vi bị cáo Trần Phi L2 chiếm đoạt tài sản trên địa bàn Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan điều tra Công an Quận 10 đã khởi tố vụ

án, khởi tố bị can về tội «Cướp giật tài sản», nhưng Tòa án nhân dân Quận 10 chưa thụ lý vụ án, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[12] Các bị cáo **Trương L**, **Trần Phi L2**, **Dương Ngọc Đ** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố các bị cáo **Trương L** (Liêm), **Trần Phi L2**, **Dương Ngọc Đ** (Củn) phạm tội: «Trộm cắp tài sản».

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trương L** (Liêm) 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Trần Phi L2** 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Dương Ngọc Đ** (Củn) 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2022.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo **Trương L** bồi thường cho ông **Trần Quốc Tr1** 9.334.000 (chín triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn) đồng.

Buộc bị cáo **Trần Phi L2** bồi thường cho ông **Trần Quốc Tr1** 9.333.000 (chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Buộc bị cáo **Dương Ngọc Đ** bồi thường cho ông **Trần Quốc Tr1** 9.333.000 (chín triệu ba trăm ba mươi ba ngàn) đồng.

Kể từ ngày ông **Trần Quốc Tr1** có đơn yêu cầu thi hành án mà các bị cáo **Trương L**, **Trần Phi L2**, **Dương Ngọc Đ** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng, các bị cáo **Trương L**, **Trần Phi L2**, **Dương Ngọc Đ** còn phải trả ông **Trần Quốc Tr1** khoản lãi đối với số tiền chậm trả

tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc xe gắn máy hiệu Mio màu tím, biển số 61L6-2899 (không xác định được số khung, số máy nguyên thủy).

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun tay ngắn màu đen (có hình hoa văn màu trắng đỏ); 01 (một) áo thun tay ngắn màu xám (bên trong cổ áo có dòng chữ «PT2000»); 01 (một) quần Jean ống ngắn màu xanh dương và màu trắng pha lẫn nhau (ở lưng quần có dòng chữ «KDS»).

(theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa Công an Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh - bút lục 329)

- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trương L phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 466.700 (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn bảy trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Phi L2 phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 466.650 (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Ngọc Đ phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 466.650 (bốn trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được hợp nhất theo Văn bản số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020 của Văn phòng Quốc hội); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Các bị cáo Trương L, Trần Phi L2, Dương Ngọc Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Trần Quốc Tr1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

Nguyễn Thị Thùy Liên